



CÂU HỎI ÔN TẬP MÔN TÂM LÝ HỌC GIÁO DỤC Đại học sư phạm hà nội

Triết học Mác - Lênin (Đại học Sư phạm Hà Nội)

CÂU HỎI ÔN TẬP MÔN TÂM LÝ HỌC GIÁO DỤC

I. Chương 1:

1. Tâm lý người là sự phản ánh hiện thực khách quan của não người vào chủ thể:

a. Trình bày **tính chủ thể** của hiện tượng tâm lý người? Từ đó rút ra kết luận cần thiết trong dạy học và giáo dục:

- Tính chủ thể ở hiện tượng tâm lý:

+ Cùng 1 sự vật nhưng ở những **chủ thể khác nhau** sẽ xuất hiện những hình ảnh tâm lý khác nhau (khác nhau về mức độ, sắc thái)

+ Cùng 1 sự vật tác động đến cùng 1 chủ thể nhưng vào những **thời điểm khác nhau**, ở những tình huống khác nhau với trạng thái cơ thể, tinh thần khác nhau sẽ cho những hình ảnh tâm lý khác nhau

+ Mỗi chủ thể khác nhau sẽ có thái độ, **hành vi khác nhau** đối với sự vật, hiện tượng

+ **Chính chủ thể** mang hình ảnh tâm lý người là hiểu rõ nhất, thể nghiệm sâu sắc nhất về hình ảnh tâm lý đó

b. Tại sao lại nói “Tâm lý người là **hình ảnh chủ quan** về thế giới khách quan?” Từ hiểu biết trên rút ra kết luận sự phạm cần thiết?

- Tính chủ thể ở hiện tượng tâm lý:

+ Cùng 1 sự vật nhưng ở những chủ thể khác nhau sẽ xuất hiện những hình ảnh tâm lý khác nhau (khác nhau về mức độ, sắc thái)

+ Cùng 1 sự vật tác động đến cùng 1 chủ thể nhưng vào những thời điểm khác nhau, ở những tình huống khác nhau với trạng thái cơ thể, tinh thần khác nhau sẽ cho những hình ảnh tâm lý khác nhau

+ Mỗi chủ thể khác nhau sẽ có thái độ, hành vi khác nhau đối với sự vật, hiện tượng

+ **Chính chủ thể** mang hình ảnh tâm lý người là hiểu rõ nhất, thể nghiệm sâu sắc nhất về hình ảnh tâm lý đó

c. **Phản ánh tâm lý là gì? Phân tích những biểu hiện của phản ánh tâm lý?**
Cho ví dụ minh họa?

- Phản ánh tâm lý là một dạng phản ánh của loại vật chất có tổ chức đặc biệt đó là **não người**. Đó là sự **tác động của hiện thực khách quan vào hệ thần kinh vào não bộ** con người – tổ chức cao nhất của vật chất. **Chỉ có hệ thần kinh và não bộ con người** mới có khả năng tiếp nhận tác động của hiện thực khách quan, tạo ra **dấu vết vật chất trên não**, dấu vết đó **chứa đựng hình ảnh tinh thần** (tâm lí). Bản chất của quá trình tạo ra dấu vết đó là quá trình sinh lí, sinh hóa ở trong hệ thần kinh và não bộ.

- Biểu hiện của phản ánh tâm lý:

+ Mang tính **sinh động, sáng tạo**. VD:

+Mang tính **chủ thể**, đậm màu sắc cá nhân. VD:

2. **Tâm lý người mang bản chất xã hội – lịch sử: Phân tích bản chất xã hội – lịch sử của hiện tượng tâm lý người. Từ đó rút ra kết luận sự phạm:**

a. **Tâm lý người mang bản chất xã hội:**

- Tâm lí người **chỉ hình thành và phát triển trong thế giới người**, tách khỏi thế giới người sẽ không có tâm lí người.

- Thế giới khách quan quy định nội dung tâm lí con người nên con người **sống trong thế giới nào, tham gia quan hệ xã hội nào thì sẽ phản ánh nội dung của thế giới và các mối quan hệ đó**. Thoát lí khỏi quan hệ xã hội, quan hệ người – người sẽ làm mất bản tính người

- Tâm lí người là **sản phẩm của hoạt động và giao tiếp** của con người trong các mối quan hệ xã hội. Tâm lí người là sản phẩm của hoạt động con người với tư cách là chủ thể xã hội, vì thế tâm lí người mang đầy đủ dấu ấn xã hội – lịch sử của con người.

- Tâm lí của mỗi cá nhân là **kết quả của quá trình lĩnh hội** vốn kinh nghiệm xã hội, nền văn hóa xã hội, thông qua hoạt động, giao tiếp trong đó giáo dục giữ vai trò chủ đạo

- ❖ Kết luận sư phạm: cần tổ chức tốt các hoạt động và giao tiếp để con người tham gia

b. **Tâm lí người mang tính lịch sử:**

- Đối với tâm lí của **cộng đồng** người: tâm lí cộng đồng thay đổi cùng với sự **thay đổi các điều kiện kinh tế xã hội chung** của cộng đồng. Đối với tâm lí **con người** cụ thể: tâm lí con người thay đổi cùng với **sự phát triển của lịch sử cá nhân**.

- ❖ Kết luận sư phạm: phải nghiên cứu môi trường xã hội, nền văn hóa xã hội, các quan hệ xã hội trong đó con người sống và hoạt động; tổ chức hiệu quả hoạt động dạy học và giáo dục ở các giai đoạn lứa tuổi khác nhau; tổ chức các hoạt động giao tiếp để nghiên cứu, hình thành và phát triển tâm lí con người.

3. **Chức năng của tâm lí người:** *Trình bày chức năng của tâm lí người và rút ra kết luận sư phạm:*

- Tâm lí có chức năng chung là **định hướng**, trước khi hoạt động, bao giờ con người cũng xác định mục đích của hoạt động đó. Tâm lí là hoạt động thôi thúc, lôi cuốn con người hoạt động để vươn tới mục đích đã đề ra
- Tâm lí có chức năng **điều khiển, kiểm soát** quá trình vận động bằng quá trình, kế hoạch, cách thức
- Tâm lí giúp con người **điều chỉnh** hoạt động cho phù hợp với mục đích đã xác định, phù hợp với điều kiện và hoàn cảnh điều kiện cho phép

4. **Phân loại hiện tượng tâm lí người:** *Trình bày phân loại hiện tượng tâm lí người theo thời gian tồn tại của chúng. Lấy VD*

- **Quá trình tâm lí:** diễn ra theo thời gian tương đối **ngắn, có mở đầu, diễn biến và kết thúc tương đối rõ ràng**. VD: nhìn thấy váy đẹp, đi qua thích -> hết

+ Quá trình nhận thức: (6) cảm giác, tri giác, ghi nhớ, tưởng tượng, tư duy, ngôn ngữ

+ Quá trình cảm xúc: vui/ buồn,..

+ Quá trình ý chí: hành động ý chí của con người vượt qua khó khăn trở ngại để vươn tới mục đích

- **Trạng thái tâm lí:** thời gian dài, khó xác định mở đầu. VD: tự dung khó chịu không rõ nguyên nhân
- **Thuộc tính tâm lí:** hình thành **khó mất đi – nét riêng** trong con người, luôn lặp lại

II. Chương 2:

1. Cơ chế hình thành và phát triển tâm lí cá nhân: Trình bày các cơ chế hình thành và phát triển tâm lí cá nhân. VD:

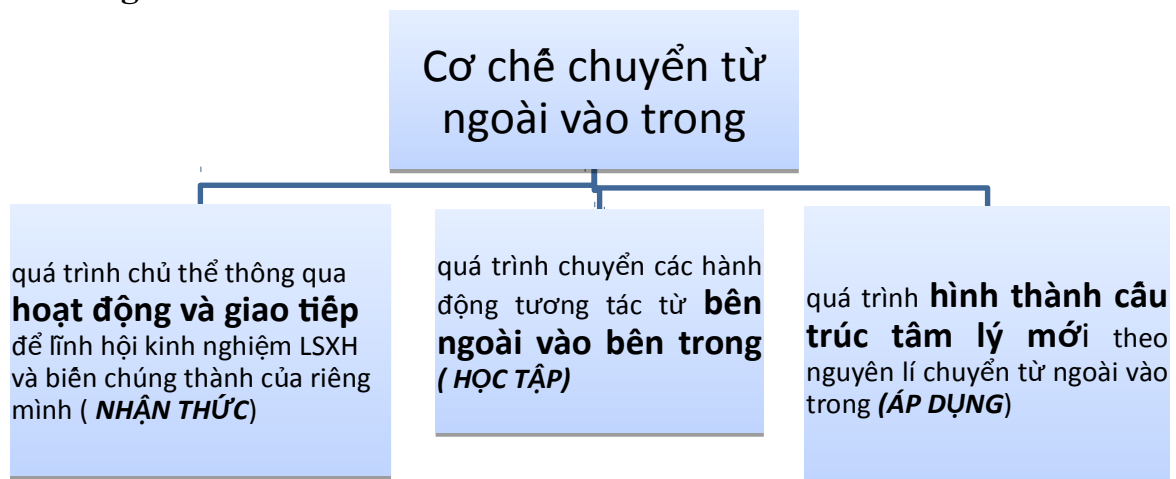
a. Kinh nghiệm lịch sử - xã hội:

- Kinh nghiệm **lịch sử:** sự tích lũy các kinh nghiệm xã hội trong suốt chiều dài phát triển của xã hội (khác biệt với loài vật)
- Kinh nghiệm **xã hội:** kinh nghiệm được hình thành và tồn tại trong **hoạt động cá nhân, XH**
- Kinh nghiệm **loài: gen** được di truyền
- Kinh nghiệm **cá thể:** trong đời sống cá thể, chết - > **không được di truyền**

b. Cơ chế chuyển từ ngoài vào trong:

- Tương tác với **đối tượng:**
- + Tương tác trẻ em với **đồ vật** nhằm tìm ra thuộc tính vật lý và phương pháp sáng tạo
- + Tương tác trẻ em với **người khác** nhằm hình thành đạo đức
- Cơ chế chuyển từ ngoài vào trong

+ **J.Piaget:**



+ **P. Galperin:**

Bước 1:

Hành động với **vật thật**
 ↓
 Hành động với **lời nói to**
 ↓
 Hành động với **lời nói thầm không thành tiếng**
 ↓
 Hành động với **lời nói thầm bên trong**

Cầm sách giáo khoa có Truyền Kiều
 ↓
 Đọc to bài Kiều
 ↓
 Đọc nhẩm
 ↓
 Ngôn ngữ, đọc lại trong đầu

Bước 2:

2. **Các quy luật phát triển tâm lí cá nhân:** *Phân tích các quy luật phát triển tâm lí cá nhân và lấy ví dụ minh họa:*

- Theo **trình tự, không nhảy cóc, không đốt cháy giai đoạn** -> Tránh bắt trẻ em phát triển sớm
- Diễn ra **không đều**:
 - + Không đều về tốc độ ở **thể chất và tâm lí**
 - + Không đều về **thời điểm hình thành**, tốc độ giữa các cấu trúc tâm lí
 - + Không đều giữa **các cá nhân**
- **Tiệm tiến + nhảy vọt**
 - + Lượng chất
 - + Quy luật phủ định của phủ định
- Gắn với **sự trưởng thành của cơ thể và tương tác với môi trường**: mức độ phát triển tâm lí cá nhân phải bằng cơ thể
- Tính **mềm dẻo** và khả năng **bù trừ**
 - + Thường ý thức được điểm yếu của mình - > bù trừ
 - + Bù trừ quá mức -> biến điểm yếu thành mạnh

3. Hoạt động (định nghĩa, đặc điểm)

a. Hoạt động là gì? Trình bày vai trò của hoạt động đối với sự phát triển tâm lí cá nhân. Kết luận sự phạm

- Khái niệm: là **mối quan hệ tác động qua lại giữa con người và thế giới** (khách thể) để tạo ra **sản phẩm cả về phía thế giới, cả về phía con người** (chủ thể)

- Vai trò của hoạt động đối với sự phát triển tâm lí cá nhân:

+ Con người **lĩnh hội** được kinh nghiệm lịch sử - XH để hình thành nhân cách

+ Con người **xuất tâm “ lực lượng sản xuất” vào xã hội “** tạo nên sự đại diện nhân cách của mình” ở nơi khác, trong xã hội

- Kết luận sự phạm:

+ Phải tổ chức những hoạt động khoa học, dựa trên những kinh nghiệm, những tiền đề nhất định và phải được thúc đẩy bởi những hoạt động cao đẹp

+ Cần chú ý thay đổi theo hướng làm phong phú nội dung, hình thức, cách thức tổ chức hoạt động sao cho lôi cuốn cá nhân tham gia tích cực

+ Hoạt động luôn đi với giao tiếp

b. Trình bày những đặc điểm của hoạt động? kết luận sự phạm?

- Tính **đối tượng**:

+ Xuất hiện khi **con người bắt tay** vào hoạt động và sau trong quá trình con người hoạt động

+ Hoạt động nào thì đối tượng đó

- Tính **mục đích**: làm thế để làm gì ?

- Tính **gián tiếp**:

+ Phải sử dụng **công cụ**

+ **Cải tiến** công cụ: phát triển tâm lí cá nhân

+ Công cụ vật chất hoặc tinh thần

- Tính **chủ thể**: chủ thể của hoạt động luôn là **con người**

- Kết luận sự phạm:

4. **Giao tiếp (Định nghĩa, vai trò):** *Giao tiếp là gì? Trình bày vai trò của giao tiếp đối với sự nảy sinh, hình thành và phát triển tâm lí cá nhân. Rút ra kết luận sự phạm?*

- Khái niệm: Sự **tiếp xúc tâm lí** giữa người với người thông qua đó con người **trao đổi thông tin**,... **tác động lẫn nhau**

- Vai trò của giao tiếp:

+ Nhu cầu giao tiếp là **nhu cầu xã hội cơ bản**, là nhân tố để phát triển tâm lí

+ **Gia nhập** các quan hệ xã hội, **lĩnh hội** nền văn hóa xã hội

+ Nhận thức được chính bản thân mình, hình thành **tự ý thức**

5. **Sự phát triển tâm lí cá nhân theo quan niệm duy vật biện chứng:**

a. ***Thế nào là sự phát triển tâm lí cá nhân? Có ích như nào trong công tác giáo dục?***

- Sự phát triển tâm lí cá nhân là 1 **quá trình biến đổi về chất lượng tâm lí**: sự thay đổi về **lượng dẫn đến sự thay đổi về chất**, hình thành **cái mới nhảy vọt trên cơ sở cái cũ**, sự **đấu tranh giữa các mặt đối lập**

- Phát triển là quá trình **kế thừa** -> hoạt động tích cực thì sẽ phát triển

- Phát triển tâm lí là kết quả **hoạt động** của chính cá nhân

- Phát triển tâm lí diễn ra **biến động** và **nhANH chóng**

- Trẻ em cần được quan tâm đến sự phát triển **thể chất**

b. *Theo quan điểm duy vật biện chứng sự phát triển tâm lí cá nhân trải qua những **giai đoạn nào** ? Phân tích **đặc trưng cơ bản** của một giai đoạn phát triển tâm lí cá nhân. Kết luận sự phạm*

- Những giai đoạn phát triển tâm lí cá nhân:

6. **Đặc điểm hoạt động của tuổi thiếu niên:** *Phân tích đặc điểm hoạt động học tập của học sinh THCS. Từ đó rút ra kết luận sự phạm:*

- **Phương pháp học tập hiệu quả** là mối quan tâm hàng đầu
- **Động cơ học:** tìm hiểu 1 cách hệ thống tri thức khoa học và áp dụng chúng vào giải quyết nhiệm vụ **thực tiễn**, cuối tuổi THCS dần xuất hiện động cơ học tập mới gắn liền với **nghề nghiệp** và ý thức
- Phân hóa **thái độ** với môn học
- **Hứng thú** với hình thức học tập đa dạng
- **Ít phụ thuộc** vào giáo viên

7. **Giao tiếp của thiếu niên với người lớn:** *Phân tích đặc điểm giao tiếp của học sinh THCS với người lớn. KLSP:*

- **Chủ thể cao, độc lập, bình đẳng, tôn trọng, không thích quan tâm, ra lệnh**
 - + Độc lập -> thỏa mãn vươn lên, cố gắng
 - + Không độc lập -> xung đột
- **Mâu thuẫn**
 - + Nhận thức và nhu cầu
 - + Phát triển nhanh về thể chất, tâm lí và vị thế xã hội với nhận thức và hành xử của người lớn
- Xu hướng **cường điệu hóa, bi kịch hóa:**
 - + Thường suy diễn, thổi phồng
 - + Coi nhẹ những hành vi của bản thân (và người khác) có thể gây hậu quả nghiêm trọng

+ Kiểu quan hệ của người lớn với tuổi thiếu niên: người lớn thấu hiểu/ người lớn không thấu hiểu

8. **Giao tiếp của thiếu niên với bạn ngang hàng:** *Phân tích những đặc điểm của thiếu niên với bạn ngang hàng. KLSP:*

- Chức năng giao tiếp với bạn cùng tuổi:

+ Thông tin

+ Học hỏi: phát triển khả năng lí luận, diễn tả cảm xúc, chuẩn mực đạo đức,

...

+ tiếp xúc xúc cảm: tâm sự

+Thể hiện và khẳng định nhân cách

+ Giáo dục lẫn nhau

- Đặc điểm:

+ Nhu cầu giao tiếp với bạn cùng tuổi **mạnh và cấp thiết**: lứa tuổi khao khát tìm một vị trí ở bạn bè, bạn thân chính là “cái tôi thứ 2” của mình. Cảm xúc nặng nề nếu bị tẩy chay, nảy sinh những hành vi tiêu cực, dẫn đến những hậu quả đáng tiếc

+ Quan hệ với bạn bè là **độc lập bình đẳng**

+ Quan hệ với bạn của thiếu niên là **hệ thống yêu cầu cao và máy móc**: yêu cầu rất cao về bạn và bản thân. Coi trọng các phẩm chất tốt về đạo đức và các thành tích học tập, tu dưỡng. Những chuẩn mực phù hợp với chuẩn mực xã hội, tuy nhiên cần tránh cường điệu hóa, tuyệt đối hóa

+ Sắc thái **giới tính**

9. **Lý tưởng sống của tuổi thanh niên mới lớn:** *Sự hình thành lí tưởng sống ở tuổi thanh niên mới lớn **diễn ra** như thế nào. Từ đó đưa ra kết luận sự phạm cần thiết*

- Sự hình thành lí tưởng sống và kế hoạch đường đời HS ở lứa tuổi đầu thanh niên:

+ Lí tưởng sống của thanh niên mới lớn: **“hình mẫu lí tưởng”** có tính khái quát cao về các phẩm chất tâm lí, nhân cách điển hình của nhiều cá nhân trong các lĩnh vực hoạt động, nghề nghiệp

+ Có sự **phân hóa lí tưởng nghề và lí tưởng đạo đức cao cả**: được thể hiện qua mục đích sống, sự say mê với học tập, nghiên cứu và lao động nghề

ngiệp; nguyện vọng được tham gia các hoạt động mang lại giá trị xã hội lớn lao

+ Một bộ phận bị **lệch lạc về lí tưởng sống**: hiểu sai về tính cách ngang tang

10. **Kế hoạch đường đời**: vấn đề nghe và chọn nghe, chọn trường học nghe. Do sự hiểu biết còn hạn chế và là sự khẳng định mình trước bạn nên sự lựa chọn của các em vẫn cảm tính

III. Chương 3:

1. Hoạt động học (Định nghĩa, đặc điểm): Hoạt động học là gì? Phân tích đặc điểm của hoạt động học?

- Hoạt động học là gì:

+ **Học** là quá trình tương tác giữa cá thể với môi trường, kết quả là dẫn đến sự biến đổi bền vững về nhận thức, thái độ hay hành vi của cá thể đó

+ Các loại hình học

Học ngẫu nhiên: lặp lại các phản ứng ngẫu nhiên của cá nhân trong hoàn cảnh nhất định (học phản xạ)

Học kết hợp: việc nắm kinh nghiệm, tri thức, hành vi, hình thành kỹ năng kỹ xảo,.. thông qua (đi kèm) 1 hoạt động khác. Tuy nhiên những kinh nghiệm cá nhân thu được lại rời rạc và thiếu hệ thống

Hoạt động học (học theo phương thức nhà trường): là hoạt động đặc thù của con người, được điều khiển bởi mục đích tự giác là lĩnh hội những kinh nghiệm lịch sử xã hội, nhằm thỏa mãn nhu cầu học, qua đó phát triển bản thân người học

- Đặc điểm của hoạt động học:

+ **Đối tượng**: toàn bộ kinh nghiệm lịch sử - XH được tích lũy qua nhiều thế hệ

+ **Mục đích**: làm thay đổi chính bản thân mình

+ **Cơ chế**: bằng hệ thống việc làm của mình, người học tương tác với đối tượng học, sử dụng thao tác và trí tuệ để cấu trúc lại đối tượng bên ngoài và chuyển vào trong đầu, hình thành và phát triển các cấu trúc tâm lý

+ Tiếp thu được cách học

+ Hoạt động củ đạo của học sinh

2. Sự hình thành khái niệm khoa học cho học sinh

a. **Khái niệm** khoa học là gì? *Phân tích bản chất tâm lí của quá trình hình thành khái niệm khoa học?*

- Khái niệm khoa học là gì:

+ **Khái niệm** là gì: là **tri thức của loài người** về sự vật, hiện tượng, quan hệ nào đó **đã được khái quát hóa** từ các dấu hiệu bản chất của chúng. Là một **năng lực thực tiễn** được kết tinh lại và gửi vào đối tượng.

- Vai trò của khái niệm:

+ Là **sản phẩm, phương tiện** của hoạt động trí tuệ

+ **Thức ăn** của tư duy

+ **Vườn ươm** của tư tưởng, niềm tin, vật liệu để hình thành nhân cách cá nhân

- Các **hình thức biểu hiện** của khái niệm: 2 nơi trú ngụ: **vật thật** và **trong đầu chủ thể**

- Sự hình thành khái niệm khoa học cho học sinh: Quá trình **chuyển hóa khái niệm từ sự vật, hiện tượng trong hiện thực thành tâm lí thông qua hoạt động**

b. *Trình bày nguyên tắc và cấu trúc chung của quá trình hình thành khái niệm trong dạy học*

- Nguyên tắc:

+ Xác định **chính xác đối tượng** cần chiếm lĩnh, chính xác bản thân khái niệm., **phương tiện, công cụ** tổ chức cho quá trình hình thành khái niệm

+ **Dẫn dắt học sinh** qua các giai đoạn của hành động

+ Tổ chức tốt **2 giai đoạn**: giai đoạn **chiếm lĩnh cái tổng quát** và **giai đoạn chuyển cái tổng quát vào các trường hợp cụ thể**

- Cấu trúc chung :

+ Làm **nảy sinh nhu cầu nhận thức** ở học sinh: tạo ra tình huống sư phạm

Chứa đựng mâu thuẫn: mâu thuẫn giữa cái đã biết và cái chưa biết

Tính chủ quan: mâu thuẫn có thể xuất hiện ở người này nhưng chưa chắc đã có ở người khác

Phá vỡ cân bằng trong nhận thức ở HS

+ Tổ chức cho HS qua **hành động**: tìm ra những dấu hiệu, thuộc tính,.. từ đó phát hiện ra logic

- + Dẫn dắt HS **vạch ra những nét bản chất** của khái niệm: ý thức được những dấu hiệu bản chất đó
 - + **Hệ thống hóa** khái niệm: đưa khái niệm đã hình thành vào hệ thống khái niệm đã được học
 - + **Luyện tập vận dụng** những khái niệm đã đạt được
 - Các giai đoạn tiếp thu khái niệm:
 - + B1: **Trình bày** dữ liệu và nhận biết khái niệm.
 - + B2: **kiểm tra** việc tiếp thu khái niệm
 - + B3: **Phân tích** các chiến lược tư duy
- c. *Phân tích cấu trúc chung của quá trình hình thành khái niệm trong dạy học*
- Cấu trúc chung :
 - + Làm nảy sinh nhu cầu nhận thức ở học sinh: tạo ra tình huống sự phạm
 - Chứa đựng mâu thuẫn: mâu thuẫn giữa cái đã biết và cái chưa biết
 - Tính chủ quan: mâu thuẫn có thể xuất hiện ở người này nhưng chưa chắc đã có ở người khác
 - Phá vỡ cân bằng trong nhận thức ở HS
 - + Tổ chức cho HS qua hành động: tìm ra những dấu hiệu, thuộc tính,.. từ đó phát hiện ra logic
 - + Dẫn dắt HS **vạch ra những nét bản chất** của khái niệm: ý thức được những dấu hiệu bản chất đó
 - + **Hệ thống hóa** khái niệm: đưa khái niệm đã hình thành vào hệ thống khái niệm đã được học
 - + **Luyện tập vận dụng** những khái niệm đã đạt được
 - Các giai đoạn tiếp thu khái niệm:
 - + B1: Trình bày dữ liệu và nhận biết khái niệm.
 - + B2: kiểm tra việc tiếp thu khái niệm
 - + B3: Phân tích các chiến lược tư duy

3. Hiểu khái niệm theo Bloom

IV. Chương 4:

1. Hoạt động dạy học (định nghĩa, đặc điểm) : Hoạt động dạy là gì? Phân tích những đặc điểm của hoạt động dạy học

- **Dạy** là sự truyền lại của thế hệ trước cho thế hệ sau những kinh nghiệm mà XH đã sáng tạo và tích lũy qua các thế hệ

- **Dạy theo phương thức nhà trường** là sự truyền thụ những tri thức khoa học, những kĩ năng và phương pháp hành động, thông qua hoạt động chuyên biệt của XH: hoạt động dạy

- **Hoạt động dạy** là hoạt động của **người được đào tạo nghề dạy học**, trong đó người dạy **sử dụng các phương pháp, phương tiện** đặc thù để **định hướng, trợ giúp**, tổ chức và điều khiển hoạt động học của người học nhằm giúp họ lĩnh hội nền văn hóa xã hội, tạo ra sự phát triển tâm lí, năng lực người, hình thành và phát triển nhân cách

- Đặc điểm của hoạt động dạy:

+ Hoạt động nghề, mang **tính chuyên nghiệp**

+ Hướng đến phát triển người học thông qua việc tổ chức **cho người học tiến hành các hoạt động học**

+ Kết hợp chặt chẽ với hoạt động học tạo thành **hoạt động kép**

+ Được cấu thành bởi **nội dung, phương pháp và tổ chức**

2. Cảm giác (định nghĩa, quy luật)

a. Phân tích các **quy luật** của cảm giác

- **Quy luật ngưỡng cảm giác:**

+ Ngưỡng cảm giác phía dưới: cường độ kích thích tối thiểu để gây ra cảm giác

+ Ngưỡng cảm giác phía trên: cường độ kích thích tối đa mà ở đó vẫn còn gây cảm giác

+ Vùng cảm giác được: Phạm vi giữa vùng cảm giác phía trên và vùng cảm giác phía dưới

+ Ngưỡng sai biệt

- **Quy luật thích ứng của cảm giác:** Cường độ kích thích tăng thì độ nhạy cảm giác giảm; cường độ kích thích giảm thì độ nhạy cảm giác tăng

b. **Cảm giác là gì?** Cảm giác là **mức khởi đầu** của 1 hoạt động nhận thức của cá nhân, là **sự tiếp xúc ban đầu của từng giác quan** đến đối tượng nhận thức. Kết quả là **tạo ra cảm giác riêng** về màu sắc, hình dáng,... của đối tượng

3. Tri giác (định nghĩa, quy luật)

a. *Phân tích các quy luật của tri giác:*

- **Quy luật về tính đối tượng của tri giác:** Tri giác bao giờ cũng phải có đối tượng để phản ánh. Hình ảnh của tri giác phản ánh chính những đặc điểm, tính chất của đối tượng mà con người tri giác

- **Quy luật về tính ý nghĩa của tri giác:** Chủ thể của tri giác có thể gọi tên, phân loại, biết được công dụng của sự vật, hiện tượng và khái quát nó trong 1 từ xác định. Tính ý nghĩa gắn liền với tính trọn vẹn

- **Quy luật về tính lựa chọn của tri giác:** tri giác của con người chỉ lựa chọn một vài sự vật trong vô vàn sự vật hiện tượng đang tác động là đối tượng tri giác, còn các SVHT khác được gọi là bối cảnh. Tính lựa chọn phụ thuộc vào

+ Mục đích cá nhân:

+ Đối tượng tri giác

+ Điều kiện quan sát

+ Hứng thú kinh nghiệm kiến thức

- **Quy luật tính ổn định của tri giác:** Tính ổn định của tri giác là khả năng phản ánh sự vật hiện tượng không thay đổi khi điều kiện tri giác thay đổi.

Phụ thuộc vào nhiều yếu tố

+ Do bản thân sự vật hiện tượng có cấu trúc tương đối ổn định trong thời gian, thời điểm nhất định

+ Chủ yếu là do cơ chế tự điều chỉnh của hệ thần kinh và vốn kinh nghiệm của con người

+ Hình thành trong đời sống cá thể

4. Tư duy (định nghĩa, thao tác): Tư duy là gì? Phân tích các thao tác tư duy

- Tư duy là hoạt động tâm lí của chủ thể, là quá trình chủ thể tiến hành các thao tác trí óc như phân tích, tổng hợp, so sánh,... để xử lí các hình ảnh, các biểu tượng, hay các khái niệm đã có về đối tượng, làm sáng tỏ bản chất, mối quan hệ phổ biến và quy luật vận động của đối tượng

- Thao tác tư duy:

+ Phân tích: dùng trí óc để phân chia đối tượng nhận thức các bộ phận, các thuộc tính

+ Tổng hợp: dùng trí óc để hợp nhất các thành phần đã được phân chia thành 1 chỉnh thể

+ So sánh: dùng trí óc để xác định sự giống nhau hay khác nhau, sự đồng nhất hay không đồng nhất

+ Trừu tượng hóa và khái quát hóa:

- Trừu tượng hóa: dùng tư duy trí óc để gạt bỏ những thuộc tính, bộ phận, quan hệ thứ yếu, không cần thiết, chỉ giữ lại những yếu tố cần thiết để tư duy
- Khái quát hóa: dùng để bao quát nhiều đối tượng khác nhau thành 1 nhóm, một loại trên cơ sở những thuộc tính chung, bản chất, những mối quan hệ có tính quy luật

5. Tưởng tượng (định nghĩa, các cách sáng tạo hình ảnh mới): Tưởng tượng là gì? Phân tích cách sáng tạo hình ảnh mới trong tưởng tượng

- Tưởng tượng là hoạt động tâm lí của chủ thể, là quá trình chủ thể tiến hành các thao tác trí óc như chấp ghép, liên kết, nhấn mạnh, loại suy, mô phỏng... để xử lí các hình ảnh, các biểu tượng hay các khái niệm đã có về đối tượng để làm sáng tỏ bản chất, mối quan hệ phổ biến và quy luật vận động của đối tượng.

- Cách sáng tạo hình ảnh mới trong tưởng tượng:

+ Thay đổi kích thước, số lượng hay thành phần của vật

+ Nhấn mạnh 1 thuộc tính, một bộ phận nào đó của đối tượng

+ Chấp ghép (không bị thay đổi, chế biến mà chỉ được ghép lại với nhau theo quy luật xác định)

+ Liên hợp: (các yếu tố ban đầu đều bị cải biên đi và sắp xếp lại trong những mối tương quan mới)

+ Điển hình hóa: những thuộc tính điển hình, đặc điểm điển hình của nhân cách như là đại diện 1 giai cấp, 1 nhóm xã hội được biểu hiện trong hình ảnh mới (nhân vật trong các tác phẩm nghệ thuật)

+ Loại suy: mô phỏng, bắt chước những chi tiết, bộ phận, sự vật có thực

6. Trí nhớ (định nghĩa, quên và cách chống quên):

a. Trí nhớ là gì? Làm thế nào để có trí nhớ tốt?

- Trí nhớ là một quá trình tâm lí phản ánh những kinh nghiệm đã có của cá nhân dưới hình thức biểu tượng, bao gồm sự ghi nhớ, giữ gìn và tái tạo lại

sau đó ở trong óc con người đã cảm giác, tri giác, xúc cảm, hành động hay suy nghĩ trước đây

- Cách để có trí nhớ tốt